

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-6-2022.

Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc T.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Tin, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 30-6-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:57/2022/TLST-HNGĐ ngày 23-3-2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:26/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13-6-2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983(có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: TDP D1, thị trấn T, huyện H1, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984 - (có mặt).

Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, anh Nguyễn Văn D trình bày*

Anh kết hôn với chị H vào ngày 26/6/2017, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức T, huyện H1, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung. Vợ chồng anh không có con chung;

Về tài sản chung, công nợ chung. Vợ chồng anh không có tài sản gì, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

* Tại bản khai của chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức T, huyện H1 vào ngày 26/6/2027. Sau khi kết hôn chị về nhà anh D làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D mải chơi, cờ bạc, không tu trí làm ăn, thường xuyên mang tài sản của nhà đi bán lấy tiền đánh bài, bạc. Vì vậy vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Nay anh D làm đơn xin ly hôn chị, chị không đồng ý với lý do khi lấy anh D chị có tài sản riêng là chiếc xe máy Hon da SH - 125, màu sơn trắng, đen; biển kiểm soát 98D1- 474.93, trị giá xe lúc mua 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Anh D đã tự ý bán xe của chị. Nay chị yêu cầu anh D phải trả chị số tiền giá trị xe máy 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) thì chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung,

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình xử cho anh D được ly hôn chị H; Về tiền án phí: Anh D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh D làm đơn xin ly hôn chị H; Về con chung, tài sản, công nợ không có. Xác định về quan hệ tranh chấp “ly hôn”;

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H là bị đơn hiện đang cư trú tại xã Đồng Hưu, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của anh D: anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D, chị H có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức T, huyện H1, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của anh D, chị H đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đồng ý ly hôn anh D. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc anh D xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận cho anh D được ly hôn chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung, anh D, chị H đều xác định không có nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- Về tài sản riêng là chiếc xe máy hiệu Hon da SH - 125, màu sơn trắng, đen; biển kiểm soát 98D1- 474.93 của chị H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị H nộp tạm ứng án phí, nhưng chị H không nộp. Tại phiên tòa hôm nay chị H không yêu cầu xem xét giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 228, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27; của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D:

Xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Hoàng Thị H.

3. Về tiền án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số 0008712 ngày 21/3/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Y thu. Xác nhận anh D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự, có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh